Đơn vị: SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH LẠNG SƠN
Chương: 412

DỰ TOÁN ĐƯỢC GIAO ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG VÀ PHÂN BỔ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 784 /QĐ-SNNMT ngày 11/11/2026 của Sở Nông nghiệp và môi trường)

ĐV tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chi cục Kiểm lâm	Chi cục Thủy lợi	Chi cục Chăn nuôi, thú y và thủy sản	Chi cục Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Trung tâm khuyến nông	Ban QLR đặc dụng và phòng hộ	Trung tâm Tài nguyên và Môi trường	Văn phòng đăng ký đất đai
1	2	3	4=5+…+13	5	6	5	8	9	10	11	6	13
A1	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**											
A2	**Thu dịch vụ và thu khác**											
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**-5.455,41**	**-5.455,41**	**-3.765,57**	**1.553,00**	**103,00**	**-1.722,00**	**88,00**	**-111,90**	**165,06**	**671,00**	**-2.436,00**
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	**-5.455,41**	**-5.455,41**	**-3.765,57**	**1.553,00**	**103,00**	**-1.722,00**	**88,00**	**-111,90**	**165,06**	**671,00**	**-2.436,00**
1	***Chi quản lý hành chính***	***3.886,78***	***3.886,78***	***1.992,78***	***1.605,00***	***103,00***	***98,00***	***88,00***	***0,00***	***0,00***	***0,00***	***0,00***
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	2.521,17	2.521,17	698,17	1.537,00	97,00	107,00	82,00	0,00	0,00	0,00	0,00
-	*Kinh phí tăng thêm thực hiện NĐ 161/2026/NĐ-CP*	*2.499,00*	*2.499,00*	676,00	*1.537,00*	*97,00*	*107,00*	*82,00*				
-	*Kinh phí tiền lương và các khoản phụ cấp lương còn thiếu cho Phó Giám đốc Sở mới bổ nhiệm*	*203,00*	*203,00*	*203,00*								
-	*Biên chế chuyển sang Sở Công Thương*	*-180,83*	*-180,83*	-180,83								
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	1.365,61	1.365,61	1.294,61	68,00	6,00	-9,00	6,00	0,00	0,00	0,00	0,00
-	*Kinh phí tăng thêm thực hiện Quỹ tiền thưởng (công chức)*	*121,00*	*121,00*	*38,00*	*67,00*	*5,00*	*6,00*	*5,00*				
-	*Kinh phí tăng thêm thực hiện Quỹ tiền thưởng cho LĐHĐ theo NĐ số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022*	*15,00*	*15,00*	*4,00*	*8,00*	*1,00*	*1,00*	*1,00*				
-	*Tiền thưởng Nghị định 73/2024/NĐ-CP còn thiếu cho Phó Giám đốc Sở mới bổ nhiệm*	*11,00*	*11,00*	*11,00*								
-	*Kinh phí thực hiện giải quyết 02 thủ tục hành chính Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm nhập khẩu*	*425,00*	*425,00*	*425,00*								
-	*Kinh phí mua máy vi tính để bàn, máy in cho Phó giám đốc Sở mới bổ nhiệm*	*33,00*	*33,00*	*33,00*								
-	*Kinh phí Dự án xây dựng hệ số điều chỉnh giá đất năm 2027 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn*	*811,00*	*811,00*	*811,00*								
-	*Kinh phí xây dựng Định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn*	*349,00*	*349,00*	*349,00*								
-	*Kinh phí xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật và bộ đơn giá sản phẩm thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn*	*298,00*	*298,00*	*298,00*								
-	*Kinh phí tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ của biên chế chuyển sang Sở Công Thương*	*-39,39*	*-39,39*	*-39,39*								
-	*Bồi dưỡng cập nhật kiến thức lĩnh vực đất đai, tài nguyên nước, khoáng sản, môi trường theo KH của UBND tỉnh*	*-65,00*	*-65,00*	*-65,00*								
-	*Sửa chữa xe ô tô*	*-7,00*	*-7,00*		*-7,00*							
-	*Kinh phí thuê tư vấn xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật đo đạc, lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất*	*-21,00*	*-21,00*	*-21,00*								
-	*Kinh phí tổ chức Hội nghị tuyên truyền, phổ biến Luật Tài nguyên nước năm 2023 và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn*	*-64,00*	*-64,00*	*-64,00*								
-	*Kinh phí Đoàn đại biểu tỉnh tham dự Hội nghị Hợp tác nông nghiệp và giảm nghèo Trung Quốc - ASEAN*	*-14,00*	*-14,00*	*-14,00*								
-	*Kinh phí xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật lập hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn*	*-12,00*	*-12,00*	*-12,00*								
-	*Kinh phí phòng, chống thiên tai theo Nghị định số 200/2025/NĐ-CP ngày 9/7/2025 của Chính phủ*	*-336,00*	*-336,00*	*-336,00*								
-	*Kinh phí tổ chức Tuyên truyền, phổ biến Luật Địa chất và khoáng sản năm 2024 và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn*	*-123,00*	*-123,00*	*-123,00*								
-	*Kinh phí thực hiện nhiệm vụ tập huấn triển khai hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về chăn nuôi và thú y*	*-16,00*	*-16,00*				*-16,00*					
2	***Chi hoạt động kinh tế***	***-1.813,00***	***-1.813,00***	***-447,00***	***-52,00***	***0,00***	***-1.820,00***	***0,00***	***72,00***	***2.365,00***	***0,00***	***-1.931,00***
2.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	595,00	595,00	0,00	0,00	0,00	74,00	0,00	165,00	356,00	0,00	0,00
-	*Kinh phí tăng thêm thực hiện NĐ 161/2026/NĐ-CP*	*595,00*	*595,00*				*74,00*		*165,00*	*356,00*		
2.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	-2.408,00	-2.408,00	-447,00	-52,00	0,00	-1.894,00	0,00	-93,00	2.009,00	0,00	-1.931,00
-	*Kinh phí tăng thêm thực hiện Quỹ tiền thưởng (viên chức)*	*32,00*	*32,00*				*6,00*		*14,00*	*12,00*		
-	*Kinh phí thực hiện Đề án đảm bảo an toàn thực phẩm, nâng cao chất lượng nông lâm thủy sản tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2022-2030 theo Kế hoạch số 196/KH-UBND ngày 15/9/2022 của UBND tỉnh Lạng Sơn năm 2026*	*579,00*	*579,00*	*579,00*								
-	*Kinh phí thực hiện nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ*	*47,00*	*47,00*							*47,00*		
-	*Kinh phí thực hiện cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc của Ban Quản lý rừng đặc dụng và phòng hộ*	*2.000,00*	*2.000,00*							*2.000,00*		
-	*Kinh phí hoạt động kiểm tra, giám sát thanh tra chuyên ngành an toàn thực phẩm, nông, lâm, thủy sản theo Kế hoạch số 57/KH-UBND ngày 08/3/2021 của UBND tỉnh*	*-1.026,00*	*-1.026,00*	*-1.026,00*								
-	*Phòng Chống dịch bệnh gia súc, gia cầm và thủy sản nuôi*	*-1.900,00*	*-1.900,00*				*-1.900,00*					
-	*Kinh phí thực hiện kế hoạch 242/KH -UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc triển khai nhiệm vụ công tác trồng trọt và bảo vệ thực vật trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2024-2030*	*-55,00*	*-55,00*						*-55,00*			
-	*Chương trình Khuyến nông giai đoạn 2026-2030*	*-49,00*	*-49,00*						*-49,00*			
-	*Sửa chữa xe ô tô*	*-50,00*	*-50,00*							*-50,00*		
-	*Trồng cây xanh phân tán*	*-27,00*	*-27,00*		*-27,00*							

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chi cục Kiểm lâm	Chi cục Thủy lợi	Chi cục Chăn nuôi, thú y và thủy sản	Chi cục Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Trung tâm khuyến nông	Ban QLR đặc dụng và phòng hộ	Trung tâm Tài nguyên và Môi trường	Văn phòng đăng ký đất đai
-	*Hội nghị tuyên truyền về phòng cháy và chữa cháy rừng*	*-25,00*	*-25,00*		*-25,00*							
-	*Xây dựng mô hình phát triển nuôi cá Lồng an toàn sinh học*	*-3,00*	*-3,00*						*-3,00*			
-	*Dự án Chỉnh lý, sắp xếp hồ sơ địa chính, tài liệu đất đai lưu trữ tại các Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn*											*-1.815,00*
-	*Kinh phí duy trì, vận hành hệ thống lưu trữ tài liệu điện tử của Sở Nông nghiệp và môi trường tỉnh Lạng Sơn*											*-116,00*
3	***Sự nghiệp đào tạo và dạy nghề***	***-22,00***	***-22,00***	***0,00***	***0,00***	***0,00***	***0,00***	***0,00***	***0,00***	***0,00***	***0,00***	***-22,00***
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ											
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	-22,00	-22,00									-22,00
-	*Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Lạng Sơn*	*-22,00*	*-22,00*									*-22,00*
4	***Sự nghiệp Khoa học công nghệ***	***-483,00***	***-483,00***	***0,00***	***0,00***	***0,00***	***0,00***	***0,00***	***0,00***	***0,00***	***0,00***	***-483,00***
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ											
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	-483,00	-483,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	-483,00
-	*Dự án thuê phần mềm, hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin để quản lý, vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Lạng Sơn*	*-483,00*	*-483,00*									*-483,00*
5	***Sự nghiệp môi trường***	***671,00***	***671,00***	***0,00***	***0,00***	***0,00***	***0,00***	***0,00***	***0,00***	***0,00***	***671,00***	***0,00***
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ											
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	671,00	671,00								671,00	0,00
-	*Kinh phí thay thế thiết bị linh phụ kiện, vật tư tiêu hao; kiểm định, hiệu chuẩn của 04 trạm quan trắc môi trường tự động, liên tục năm 2025*	*-2.329,00*	*-2.329,00*								*-2.329,00*	
-	*Kinh phí, chi phí thực hiện thay thế thiết bị, linh phụ kiện, vật tư tiêu hao; kiểm định, hiệu chuẩn các trạm quan trắc môi trường tự động, liên tục thuộc Dự án nâng cao năng lực quan trắc và giám sát môi trường trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn*	*3.000,00*	*3.000,00*								*3.000,00*	
6	***Chương trình mục tiêu quốc gia***	***-7.695,19***	***-7.695,19***	***-5.311,36***	***0,00***	***0,00***	***0,00***	***0,00***	***-183,90***	***-2.199,94***	***0,00***	***0,00***
6.1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Mã Chương trình MTQG: 0510	-2.199,94	-2.199,94							-2.199,94		
6.2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững. Mã Chương trình MTQG: 0470	-5.860,67	-5.860,67	-5.676,77					-183,90			
6.3	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Mã Chương trình MTQG: 0490	-2.834,59	-2.834,59	-2.834,59								
6.4	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Mã Chương trình MTQG: 0100	3.200,00	3.200,00	3.200,00								